

Bản án số: 21/2026/HSST
Ngày 06 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Minh Nga.

Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thu Hà và ông Chu Đàm Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Hà Trung Nghĩa – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn N.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày: 12/08/2002; tại xã Q, tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: bản Món, xã Q, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: lớp 08/12. Con ông: Lò Văn H; con bà Lò Thị H1. Vợ, con: chưa có.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo Lò Văn N bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

2. Họ và tên: **Chim Văn T.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày: 17/01/2006; tại xã B, tỉnh Lai Châu. Nơi thường trú: bản P, xã B, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: lớp 09/12. Con ông Chim Văn D; con bà Trương Thị Đại. Vợ, con: chưa có;

- Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo Chim Văn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

3. Họ và tên: **Lù Văn T1.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày: 30/03/1998; tại xã B, tỉnh Lai Châu. Nơi thường trú: bản P, xã B, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: lớp 05/12. Con ông Lù Văn H2, con bà Pờ Thị B. Vợ, con: chưa có;

- Tiền án, tiền sự: không

- Bị cáo Lù Văn T1 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q phân trại Uông Bí. Có mặt.

4. Họ và tên: **Lù Văn H3.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày: 05/06/1999; tại xã B, tỉnh Lai Châu. Nơi thường trú: bản P, xã B, tỉnh Lai Châu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: lớp 05/12. Con ông Lù Văn T2; con bà Lò Thị Q. Vợ, con: chưa có;

- Tiền án: ngày 10/5/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 28/7/2025, H3 chấp hành xong hình phạt tù.

- Tiền sự: không;

- Bị cáo Lò Văn H3 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

***Người tham gia tố tụng khác:**

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn N: Luật sư Đặng Hồng M; Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q. Địa chỉ: số D đường N, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chim Văn T, Lò Văn T1, Lò Văn H3, Lò Văn N quen biết nhau, đều là công nhân làm việc và sinh hoạt tại công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) xây dựng Z trong khu công nghiệp B, phường P, tỉnh Quảng Ninh. Trong thời gian từ ngày 22/9/2025 đến ngày 26/9/2025, N đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy Heroine cho T, để T, T1, H3 tổ chức sử dụng trái phép, cụ thể như sau: khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/9/2025, T rủ T1 và H3 mỗi người góp 200.000 đồng đi mua ma túy Heroine về sử dụng, tất cả đồng ý. Do H3 không có tiền nên vay của T1 200.000 đồng góp chung cùng cả bọn. Tuyến đi đến khu vực nhà vệ sinh khu lán trại công nhân của Công ty TNHH X trong khu công nghiệp B gặp và hỏi N mua 03 gói ma túy H4, với giá 600.000 đồng; N nhận tiền và hẹn T đến khu vực phòng tắm ở lán trại công nhân Công ty TNHH X trong khu công nghiệp để giao ma túy. Sau đó, N đi lấy 03 gói ma túy và đưa cho T tại khu vực đã hẹn. Sau khi lấy được ma túy, T, T1 và H3 gặp nhau ở phòng vệ sinh dãy nhà đối diện để tổ chức sử dụng. Tuyến chuẩn bị vỏ thuốc lá, bật lửa; H3 lấy tờ giấy bạc trong bao thuốc lá, sau đó T, T1 thay nhau bóc từng gói ma túy đổ ra tờ giấy bạc để H3 châm lửa hơ ma túy bốc khói cho lần lượt T1, H3, T sử dụng bằng cách hít ma túy vào cơ thể. Mỗi người sử dụng được khoảng 03 lượt thì hết ma túy, cả ba đi về lán trại ngủ. Tiếp đến khoảng 20 giờ ngày 26/09/2025, T1 rủ T mỗi người góp 100.000 đồng mua ma túy về sử dụng, T đồng ý. T1 sử dụng tài khoản Zalo “Thiệp Ko T3” nhắn tin cho N (tài khoản “Văn Nam”) để mua Heroine với giá 200.000 đồng. N đồng ý, bảo T1 chuyển tiền trước qua tài khoản rồi đến địa điểm cũ để nhận ma túy. Thiệp chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng M2 số 0984595173 mang tên “LU VAN THIEP” đến tài khoản ngân hàng V số 103875165655 mang tên “LO VAN NAM”. Sau đó, T1 và T đi đến điểm hẹn gặp N, trước khi đi Thiệp chuẩn bị sẵn giấy bạc, T chuẩn bị bật lửa để sử dụng ma túy. Tại điểm hẹn N đưa cho T 01 gói Heroine, rồi T và T1 đi vào một phòng tắm, T1 đổ gói ma túy ra tờ giấy bạc rồi bật lửa hơ ma túy bốc khói để T, T1 cùng sử dụng hít ma túy vào cơ thể rồi cả hai đi về lán trại nghỉ.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, do sử dụng ma túy chưa đủ liều, T1 tiếp tục rủ T mỗi người góp thêm 100.000 đồng đi mua ma túy của N để sử dụng, T đồng ý. Lần này T1 đến gặp trực tiếp gặp N hỏi mua 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng, N đồng ý hẹn ra địa điểm cũ. Sau đó T1 chuyển tiền qua tài khoản cho N, rồi cùng T đến gặp N nhận 01 gói ma túy Heroine, cả hai mang vào nhà tắm tổ chức sử dụng như lần thứ hai.

Khoảng 05 giờ ngày 27/9/2025, Công an phường P phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Q, Trạm Y tế phường P, Công an phường L tiến hành kiểm tra hành chính tại lán trại công nhân của Công ty TNHH X. Quá trình kiểm tra, thu mẫu nước tiểu của các công nhân, trong đó có Chim Văn T, Lù Văn T1, Lù Văn H3. Kết quả test nhanh ma túy phát hiện T, T1 và H3 đều dương tính với ma túy Heroine; T, T1 và H3 đều khai nhận mua ma túy của N để tổ chức sử dụng. Cơ quan điều tra tiến hành giữ, bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với T, T1, H3 về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vật chứng thu giữ: của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K màu đen gắn sim số 0705.578.130; của T1 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen gắn sim số 0984.595.173.

Tại Bản kết luận giám định số 1480/KL-KTHS ngày 3/10/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q:

- Tìm thấy chất 6-Monoacetylmorphine, M, Codein trong mẫu nước tiểu thu của Lù Văn H3, Chim Văn T.
- Tìm thấy chất 6-Monoacetylmorphine, C, Heroine trong mẫu nước tiểu thu của Lù Văn T1.
- Tìm thấy chất 6-Monoacetylmorphine, Morphine trong mẫu nước tiểu thu của Lò Văn N.

(6-Monoacetylmorphine, M1 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong nước tiểu).

Quá trình điều tra, các bị cáo Lò Văn N, Chim Văn T, Lù Văn T1 và Lù Văn H3 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo T, T1, H3 khai nhận các bị cáo cùng nhau góp tiền mua ma túy của bị cáo N, cách thức sử dụng ma túy như cáo trạng mô tả. Bị cáo N khai nhận bị cáo đã bán ma túy cho T và T1 trong các ngày 22/9/2025 và ngày 26/9/2025 như cáo trạng mô tả. Ngoài ra bị cáo N khai nguồn gốc ma túy bị cáo bán cho T, cho T1 là bị cáo lấy từ người đàn ông tên là C1, mục đích lấy ma túy từ C1 bán lại cho người khác là để được C1 cho sử dụng ma túy mà không phải trả tiền, C1 thường xuyên có mặt trong khu lán trại công nhân, nhưng C1 không ở khu lán trại, địa chỉ cụ thể của C1 bị cáo không biết.

Ngoài ra các bị cáo khai nhận, các bị cáo không thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện; quá trình điều tra các bị cáo T, T1, Nam chỉ dẫn vị trí mua bán ma túy; các bị cáo T, T1, H3 chỉ dẫn vị trí các cùng nhau sử dụng ma túy.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có các tài liệu sau: biên bản kiểm tra hành chính ngày 27/09/2025 đối với H3, T, T1; biên bản làm việc ngày 27/9/2025 đối với T1, T, N về nội dung N bán ma túy cho T, T1 (bút lục 123); biên bản làm việc ngày 27/9/2025 (bút

lục 129); Biên bản niêm phong tài sản đồ vật ngày 27/9/2025, biên bản thu mẫu nước tiểu của các đối tượng; tài liệu xác định hiện trường, xác định vị trí Nam bán ma túy; tài liệu xác định hiện trường xác định vị trí T1, H3, T cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy; tài liệu kiểm tra dữ liệu trong điện thoại thu giữ của T1, của N; tài liệu xác minh, rà soát đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện đối với các bị cáo. Nội dung các tài liệu này đều phù hợp thống nhất, phù hợp nội dung lời khai của các tại phiên tòa.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSKV2 ngày 19/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh truy tố bị cáo Lò Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lù Văn H3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Chim Văn T và Lù Văn T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày luận tội các bị cáo với đề nghị kết tội các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn N;

-Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Chim Văn T và Lù Văn T1;

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lù Văn H3;

Đề nghị xử phạt : bị cáo Lò Văn N từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù về tội về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Chim Văn T từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Lù Văn T1 và Lù Văn H3 từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; thời hạn tù đối với các bị cáo đều tính từ ngày 27/9/2025; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, ngoài ra đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Phản tranh luận: Sau khi nghe kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo N không tranh luận với kết luận của kiểm sát viên về tội danh, về khung hình phạt xử lý đối với bị cáo N, nhưng đề nghị HĐXX xem xét yếu tố nhân thân, hoàn cảnh gia đình bị cáo, nơi thường trú của bị cáo, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo N, đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt thấp nhất có thể. Kiểm sát viên đối đáp, bị cáo N có nơi thường trú thuộc vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhưng bị cáo N đủ nhận thức biết việc mua bán trái phép chất ma túy là trái pháp luật, nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (theo hướng dẫn tại khoản 12 điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao). Các bị cáo không tranh luận với kết luận của kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đều trình bày, các bị cáo, thực sự ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 –Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Chim Văn T, L văn T1, Lù Văn H3 khai nhận hành vi cùng nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng; bị cáo Lò Văn N khai nhận hành vi bán ma túy cho T, cho T1; lời khai nhận nhận tội của các bị cáo phù hợp, thống nhất, phù hợp tài liệu có trong hồ sơ vụ án: kết luận giám định ma túy; biên bản kiểm tra hành chính và tài liệu điều tra đã viện dẫn.

Trên cơ sở các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 22, 26/9/2025, tại khu vực phòng tắm lán trại công nhân công ty TNHH X, trong khu công nghiệp B, thuộc khu P, phường P, tỉnh Quảng Ninh, Lò Văn N có hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy loại Heroine, cụ thể ngày 22/9/2025 đã bán một lần cho Chim Văn T 03 gói ma túy với giá 200.000 đồng/01gói, ngày 26/9/2025 đã bán cho Lù Văn T1 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng/01 gói. Lò Văn N đã thu được 1.000.000đồng từ việc bán trái phép chất ma túy.

Số ma túy Heroine Chim Văn T mua được của Lò Văn N ngày 22/9/2025, là do T cùng Lù Văn T1, Lù Văn H3 góp chung tiền 600.000 đồng mua để ngay sau đó cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép tại khu vực phòng tắm lán trại công nhân công ty, thuộc khu P, phường P, tỉnh Quảng Ninh; tiếp đến ngày 26/9/2025 cũng tại địa điểm trên T và T1 đã 2 lần góp tổng cộng 400.000 đồng mua ma túy Heroine của N để 02 lần cùng nhau sử dụng.

Hành vi của bị cáo Lò Văn N đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “nhiều lần”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Chim Văn T, Lù Văn T1, Lù Văn H3 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; hành vi của bị cáo H3 thuộc trường hợp “nhiều người” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Chim Văn T và Lù Văn T1 thuộc trường hợp “nhiều lần” và “đối với nhiều người” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tội danh các bị cáo phạm phải đều có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện làm cho người sử dụng phải lệ thuộc vào nó, ma túy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến

sức khỏe, kinh tế của người sử dụng và là nguồn phát sinh tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội. Pháp luật Nhà nước ta xử lý nghiêm khắc đối với các tội về ma túy, mục đích để ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy trong xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu được tác hại của ma túy đối với người sử dụng và biết được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi mua bán, hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì lợi nhuận, vì lối sống không có trách nhiệm với bản thân với xã hội, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, và đã thực hiện đối với nhiều người, nhiều lần. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội rất nghiêm trọng, tội phạm gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội. Vì vậy cần xử lý cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy mục đích thỏa mãn nhu cầu được sử dụng ma túy mà không phải trả tiền, không thuộc trường hợp “phạm tội do lạc hậu” như luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày, nên không áp dụng cho bị cáo N tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lù Văn H3 có 01 tiền án chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lò Văn N, Chim Văn T, Lù Văn T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Vai trò trong vụ án: Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, các bị cáo Chim Văn T, Lù Văn T1 và Lù Văn H3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; vụ án có đồng phạm nhưng ở mức độ đơn giản, rủ nhau góp tiền mua ma túy cùng sử dụng chung, bị cáo T1 khởi xướng ngày thứ 2 nên vai trò tiếp sau T là T1, vai trò sau cùng là H3. Bị cáo T vai trò đầu vụ, nhưng T1 cũng là người khởi xướng mà liên lạc để mua ma túy cho ngày thứ 2, cũng như T, T1 phạm tội thuộc trường hợp 02 tình tiết định khung, điều kiện nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như nhau, nên mức hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo T1 ngang nhau; bị cáo H3 phạm tội thuộc trường hợp có 01 tình tiết định khung, vai trò thấp hơn bị cáo T và T1, nhưng phải chịu tình tiết tăng nặng nên mức hình phạt đối với bị cáo H3 cần sát với mức hình phạt của bị cáo T và T1.

Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo N phạm tội độc lập, nên phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất hành vi bị cáo đã thực hiện.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đen thu giữ của bị cáo T1, các bị cáo đã dùng liên lạc mua bán ma túy, xác định là vật dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước; sim điện gắn theo 02 điện thoại không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu

hủy. Bị cáo N bán ma túy thu được 1.000.000.000đồng (Một triệu đồng), xác định là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Án phí: bị cáo Chim Văn T, Lù Văn T1, Lù Văn H3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; đối với bị cáo N, bị cáo là người dân tộc thiểu số; cư trú tại nơi là thuộc đối tượng III, là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo N được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án: Đối với người đàn ông tên C1, theo bị cáo N khai là người cung cấp ma túy cho N bán, quá trình điều tra không rõ lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Lò Văn N, Chim Văn T, Lù Văn T1, Lù Văn H3, qua xác minh đều không thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện nên không đề cập xử lý về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định Điều 256a Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu đến Công an tỉnh Q để ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp, không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Chim Văn T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Chim Văn T 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/09/2025.

2.Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lù Văn T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Lù Văn T1 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/09/2025.

3.Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lù Văn H3 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Lù Văn H3 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/09/2025.

4.Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 7 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 27/09/2025.

5.Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp quỹ nhà nước: 01 điện di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen, điện thoại đã cũ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen, điện thoại đã cũ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại gắn trong điện di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen, điện thoại đã cũ; 01 sim điện thoại gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen, điện thoại đã cũ.

(*Hiện trạng toàn bộ vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 60/BB-THA ngày 26/01/2026 của Thị hành án dân sự khu vực 2-Quảng Ninh*).

Truy thu của bị cáo Lù Văn N1 số tiền 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) nộp quỹ nhà nước.

6.Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Chim Văn T, Lù Văn T1, Lù Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Lò Văn N được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

7.Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 2-Quảng Ninh
- CQ CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh,
- CQTHA hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng PV 06;
- THA dân sự khu vực 2-Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Minh Nga

